**PHỤ LỤC III**

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN CHO VAY LẠI THEO PHƯƠNG THỨC CƠ QUAN CHO VAY LẠI CHỊU RỦI RO TÍN DỤNG  
*(Kèm theo Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Hà Nội, ngày…..tháng….năm 20….*

**HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN CHO VAY LẠI THEO PHƯƠNG THỨC CƠ QUAN CHO VAY LẠI CHỊU RỦI RO TÍN DỤNG**

(Tên nguồn vốn) Cho dự án (Tên dự án)

Số:…../ /UQCVL/BTC-QLN

Căn cứ [Bộ luật Dân sự](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx" \t "_blank) ngày 08 tháng 12 năm 2015;

Căn cứ [Luật Quản lý nợ công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Quan-ly-no-cong-337165.aspx" \t "_blank) ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Thỏa thuận vay nước ngoài ký ngày ... giữa ... (tên bên cho vay nước ngoài) và ... (tên Bên nhận tài trợ)... cho Dự án (Tên Dự án) (sau đây gọi là Thỏa thuận vay nước ngoài);

Căn cứ Quyết định số ... của Thủ tướng Chính phủ (phê duyệt cơ chế tài chính và điều kiện cho vay lại đối với Dự án);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Dự án.

Bộ Tài chính (sau đây gọi là Bên ủy quyền), được đại diện bởi Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

Trụ sở: 28 Trần Hưng Đạo - Hà Nội

Điện thoại: 024-22202828

Số Fax: 024-22208020 hoặc 024-22202868

và

Tên Tổ chức tín dụng làm Cơ quan cho vay lại (sau đây gọi là Bên được ủy quyền)

Trụ sở: ...............................................................................................................................

Điện thoại:..........................................................................................................................

Fax: ...................................................................................................................................

thỏa thuận như sau: ...........................................................................................................

**Điều 1.** Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện cho vay lại cho.... (tên Bên vay lại) và/hoặc bất kỳ bên nào kế thừa hợp pháp các quyền hạn, trách nhiệm của (tên Bên vay lại) dưới bất kỳ hình thức nào (sau đây gọi chung là Bên vay lại) từ nguồn vốn vay... (tên nước /tổ chức tài trợ) theo Hiệp định/Thỏa thuận vay.... với các điều kiện như sau:

1. Đồng tiền cho vay lại là đồng .........................................................................................

2. Trị giá cho vay lại là tổng số vốn thực rút không vượt quá ............................................

3. Thời hạn vay là... bao gồm thời gian ân hạn là... kể từ ngày ........................................

4. Lãi suất cho vay lại là.... %/năm trên dư nợ bao gồm: ...................................................

a) Lãi suất Chính phủ vay nước ngoài là ...%/năm trên dư nợ.

b) Phí quản lý cho vay lại là 0,25%/năm trên dư nợ.

c) Dự phòng rủi ro cho vay lại là ...%/năm trên dư nợ.

d) Các khoản phí trả bên nước ngoài theo Thỏa thuận vay nước ngoài.

5. Lãi phạt chậm trả là ...%/năm (lãi suất chậm trả xác định theo Nghị định) tính trên số nợ quá hạn. Lãi phạt chậm trả được tính từ ngày đến hạn mà không trả nợ cho đến một ngày trước ngày trả nợ thực tế.

6. Lãi và lãi phạt chậm trả được tính trên số ngày thực tế và số ngày trong năm theo quy định tại Thỏa thuận vay nước ngoài.

7. Bên vay lại chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản phí và chi phí liên quan cho bên cho vay nước ngoài theo Thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm phí quản lý, phí cam kết, phí rút vốn, phí bảo hiểm, các khoản phí và chi phí khác. Bên vay lại thanh toán các khoản phí này cho Bên được ủy quyền để trả cho Bên ủy quyền.

8. Ngày nhận nợ là ngày Chính phủ nhận nợ với Bên cho vay nước ngoài theo quy định của Thỏa thuận vay nước ngoài.

9. Ngày trả nợ: Bên vay lại phải trả nợ (gốc, lãi, phí) 6 tháng một lần cho Bên được ủy quyền vào ngày....và.... hàng năm, theo quy định về Ngày trả nợ tại Thỏa thuận vay nước ngoài. Thanh toán nợ gốc được thực hiện thành các đợt đều nhau, bắt đầu từ ngày…. , kết thúc vào ngày ...

10. Trường hợp Thỏa thuận vay nước ngoài có quy định về việc trả nợ trước hạn, Bên vay lại có thể thực hiện trả nợ trước hạn sau khi gửi thông báo bằng văn bản tối thiểu 90 ngày trước khi thực hiện trả nợ cho Bên được ủy quyền và Bên ủy quyền, và được Bên được ủy quyền và Bên ủy quyền đồng ý. Trường hợp Thỏa thuận vay nước ngoài không có quy định về trả nợ trước hạn hoặc Bên vay lại không thỏa mãn các quy định về trả nợ trước hạn trong Thỏa thuận vay nước ngoài, việc trả nợ trước hạn cần được Bên được ủy quyền đồng ý. Bên vay lại chịu trách nhiệm chi trả mọi chi phí phát sinh do việc trả nợ trước hạn.

11. Trong trường hợp Bên vay lại trả nợ bằng các đồng tiền khác đồng tiền cho vay lại, tỷ giá áp dụng là tỷ giá bán chuyển khoản đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm trả nợ.

12. Bên vay lại phải thanh toán trực tiếp cho các ngân hàng phục vụ trong nước đối với các loại phí do các ngân hàng phục vụ thu.

13. Việc hoàn trả các nghĩa vụ nợ của Bên vay lại quy định trong Hợp đồng này và Hợp đồng cho vay lại phải được Bên vay lại đảm bảo trước khi hoàn trả bất kỳ khoản vay nào khác của Bên vay lại.

14. Bên vay lại có trách nhiệm bảo đảm khoản vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hợp pháp khác được Bên được ủy quyền chấp thuận và thông báo cho Bên ủy quyền. Các quy định về đảm bảo khoản vay được quy định chi tiết trong Hợp đồng cho vay lại và phù hợp với các quy định tương ứng tại Nghị định.

15. Trong trường hợp đến hạn trả nợ, Bên vay lại không trả được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ đến hạn, Bên được ủy quyền có trách nhiệm trả nợ cho Bên ủy quyền thay cho Bên vay lại các khoản nợ vào Ngày trả nợ, theo đúng quy định tại hợp đồng này.

16. Bên vay lại có trách nhiệm cam kết trong Hợp đồng cho vay lại về tập trung doanh thu từ dự án để đảm bảo việc trả nợ theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; cam kết ủy quyền không hủy ngang cho Bên được ủy quyền để tự động trích bất kỳ tài khoản nào của Bên vay lại để thu nợ trong trường hợp Bên vay lại không trả được nợ.

**Điều 2.** Trách nhiệm của Bên ủy quyền

1. Căn cứ thông báo rút vốn của Bên cho vay nước ngoài, Bên ủy quyền có trách nhiệm thông báo cho Bên được ủy quyền để Bên được ủy quyền làm thủ tục xác nhận nợ vốn vay lại từng lần với Bên vay lại.

2. Bên ủy quyền có trách nhiệm thông báo cho Bên được ủy quyền các loại phí nêu tại khoản 7 Điều 1 Hợp đồng này (nếu có) để Bên được ủy quyền thông báo cho Bên vay lại để trả nợ.

3. Bên ủy quyền có thể phối hợp cùng Bên được ủy quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng, trả nợ vốn vay lại của Bên vay lại theo định kỳ hoặc từng thời điểm nếu cần thiết.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Bên được ủy quyền

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này, Bên được ủy quyền có trách nhiệm ký Hợp đồng cho vay lại với Bên vay lại theo các điều kiện nêu ở Điều 1. Trong vòng 15 ngày sau khi ký Hợp đồng cho vay lại với Bên vay lại, Bên được ủy quyền có trách nhiệm gửi cho Bên ủy quyền 01 bản sao Hợp đồng cho vay lại để phối hợp theo dõi.

2. Căn cứ thông báo rút vốn do Bên ủy quyền gửi hoặc ủy quyền cho bên nước ngoài gửi, Bên được ủy quyền có trách nhiệm làm thủ tục để Bên vay lại nhận nợ đầy đủ.

3. Bên được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung, trách nhiệm liên quan của Bên được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 40 [Luật Quản lý nợ công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Quan-ly-no-cong-337165.aspx" \t "_blank), Điều 23 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và hợp đồng này.

4. Bên được ủy quyền chịu trách nhiệm thu hồi nợ hoàn trả lại Ngân sách các khoản gốc, lãi, các khoản phí vay nước ngoài, phí quản lý cho vay lại (sau khi được giữ lại phần phí quản lý cho vay lại được hưởng theo quy định tại Nghị định) và các khoản phải thu nêu tại Điều 1 (nếu có). Việc thu hồi vốn cho vay lại được thực hiện theo Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ.

5. Đối chiếu nợ hàng quý với Bên vay lại gồm số giải ngân, số nhận nợ, số trả nợ, số dư nợ trong kỳ và lũy kế.

6. a) Sáu tháng một lần vào tháng 6 và 12 hàng năm, Bên được ủy quyền thông báo cho Bên ủy quyền kế hoạch thu hồi nợ và tình hình thực hiện kế hoạch này để Bên ủy quyền tổng hợp vào kế hoạch hàng năm và chuẩn bị trả nợ cho bên cho vay nước ngoài.

b) Bên được ủy quyền thực hiện việc báo cáo tình hình cho vay lại, tình hình nợ của Bên vay lại và các nội dung liên quan theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

7. Bên được ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện dự án, tình hình trả nợ của Bên vay lại để đảm bảo khả năng trả nợ của Bên vay lại.

8. Trường hợp Bên vay lại không trả nợ đúng hạn:

a) Trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày đến hạn trả nợ theo Hợp đồng cho vay lại nếu sau khi đã áp dụng các chế tài, biện pháp mà không thu hồi được đầy đủ nợ vay lại đến hạn bao gồm gốc, lãi, phí và các chi phí khác có liên quan từ Bên vay lại, Bên được ủy quyền có trách nhiệm, thay cho Bên vay lại, trả nợ đầy đủ cho Bên ủy quyền về Quỹ tích lũy trả nợ theo quy định tại hợp đồng cho vay lại và hợp đồng này.

b) Bên được ủy quyền thông báo cho Bên ủy quyền khi phát sinh các trường hợp này để biết.

**Điều 4.** Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này được làm 02 bản, Bên ủy quyền lưu 01 bản, Bên được ủy quyền lưu 01 bản và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đúng các thỏa thuận trên đây. Trong quá trình thực hiện, mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng sẽ phải được lập thành văn bản và có sự đồng ý của hai Bên./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện Bên ủy quyền** | **Đại diện Bên được ủy quyền** |